

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2023/HS-ST
Ngày 21/3/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Văn Nhung.

2. Ông Nguyễn Văn Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2023 tại Hội trường A Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 60/2023/HSST ngày 22 tháng 2 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2023/QĐXXST-HS ngày 28/2/2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 1984 tại tỉnh Quảng Ngãi; thường trú: Thôn A xã K, thị xã P, tỉnh Quảng Ngãi; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Không; con ông Nguyễn Đ, sinh năm 1942 và con bà Trà Thị K, sinh năm 1944; bị cáo có 07 anh chị em ruột, bị cáo là thứ 7; tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị tạm giữ, bắt tạm giam từ ngày 14/11/2022, có mặt.

Bị hại: Anh Phan Đức D, sinh năm 1989, địa chỉ: Khu phố H, phường H, thành phố K, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020, bị cáo Nguyễn Thị Kiều O thuê đất của bà Bùi Thị L tại địa chỉ đường T khu phố T, phường H, thành phố K, tỉnh Bình Dương để kinh doanh rửa xe, khi hết hạn O trả lại mặt bằng cho bà L.

Khoảng tháng 7/2022, O biết anh Phan Đức D (người cùng quê) đang tìm thuê mặt bằng mở quán cà phê và rửa xe máy. O nói với anh D “có mặt bằng cho thuê, nếu anh D đồng ý thuê thì O lấy lại mặt bằng và cho thuê lại giá 5.000.000 đồng/tháng”. Khoảng tháng 8/2022 anh D được O đưa đến vị trí đất mà trước đây O thuê của bà Bùi Thị L, khi anh D đến thấy trên đất đang kinh doanh quán cà phê, anh D đồng ý thuê, sau đó O và anh D ký hợp đồng thuê mặt bằng với giá 5.000.000 đồng/ 1 tháng, đặt cọc 15.000.000 đồng (nhưng các bên chưa đặt cọc tiền). Thời điểm này O nói anh

D có sang đồ đạc trong quán cà phê thì đưa O 8.000.000 đồng, anh D đưa O 8.000.000 đồng. Thời gian ngắn sau đó O gặp anh D và nói “có ông anh tên H làm tiệm cầm đồ muốn thanh lý 01 xe mô tô hiệu Exciter với giá 8.000.000 đồng, tiền giấy tờ 3.000.000 đồng tổng 11.000.000 đồng, anh D mua thì O giúp”. Anh D đồng ý và đưa O 11.000.000 đồng tại phòng ở trọ của O. Sau khi nhận tổng số tiền 19.000.000 đồng O sử dụng riêng. Khoảng tháng 10/2022 anh D hỏi O về mặt bằng và xe mô tô O nói từ từ, sau đó O trả phòng trọ trốn tránh, tắt điện thoại, anh D làm đơn trình báo, ngày 13/11/2022 O đến công an phường khai nhận sự việc.

Vật chứng thu giữ được lưu trong hồ sơ: Hợp đồng cho thuê mặt bằng năm 2022 giữa Nguyễn Thị Kiều O và Phan Đức D.

Kết luận giám định chữ viết số 46/KL-KTHS (TL) ngày 09/2/2023 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương đã xác định chữ ký của Nguyễn Thị Kiều O trên “Hợp đồng cho thuê mặt bằng” ghi năm 2022 với chữ ký thu thập so sánh của Nguyễn Thị Kiều O là do cùng 01 người ký ra.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Phan Đức D yêu cầu bị cáo O trả số tiền 19.000.000 đồng.

Cáo trạng số 88/CT – VKS ngày 20 tháng 2 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Thị Kiều O về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo O từ 12 tháng đến 18 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo O phải trả lại anh Phan Đức D số tiền 19.000.000 đồng.

Bị cáo O không tranh luận, bào chữa cho hành vi phạm tội. Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết việc mình làm là vi phạm pháp luật, xin được giảm nhẹ mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Chứng cứ xác định có tội của bị cáo Nguyễn Thị Kiều O: Khoảng tháng 8/2022 khi gặp anh Phan Đức D, O đã đưa các thông tin không đúng sự thật, như O có đất mặt bằng cho thuê, làm hợp đồng thuê mặt bằng với anh D, giúp anh D sang lại đồ đạc trong quán cà phê với giá 8.000.000 đồng, giúp anh D mua xe mô tô với giá 11.000.000 đồng để chiếm đoạt tổng số tiền 19.000.000 đồng. Như vậy, hành vi

trên của bị cáo O đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bản cáo trạng số 88/CT-VKS ngày 20/2/2023 của Viện kiểm sát thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo cũng như trình bày luận tội của Kiểm sát viên đối với bị cáo là có căn cứ pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo O chiếm đoạt tài sản của anh D (01 lần 8.000.000 đồng, 01 lần 11.000.000 đồng) trong tháng 8/2022. Thuộc trường hợp phạm tội “hai lần trở lên”, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo ra đầu thú. Tình tiết trên được quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Về nhân thân: Bị cáo O có nhân thân tốt thể hiện việc không có tiền án tiền sự.

[6] Về tính chất mức độ tội phạm: Bị cáo O phạm tội nhưng thuộc trường hợp ít nghiêm trọng do có khung hình phạt đến 03 năm tù, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện tội phạm một cách cố ý. Hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản hợp pháp của bị hại trong vụ án được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo cũng như có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Phan Đức D yêu cầu bị cáo O phải trả lại số tiền chiếm đoạt 19.000.000 đồng. Xét, yêu cầu trên của bị hại D là có căn cứ nên được chấp nhận

[8] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương đưa ra tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, mức hình phạt bị cáo O cũng như về trách nhiệm dân sự phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử do vậy được chấp nhận.

[9] Án phí sơ thẩm: Bị cáo O phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm, án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Kiều O phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kiều O 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, bắt tạm giam ngày 14/11/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự. Điều 584, 585 và 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Kiều O trả lại cho anh Phan Đức D số tiền 19.000.000 đồng (mười chín triệu đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14

Bị cáo Nguyễn Thị Kiều O phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm và 950.000 đồng (chín trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Thành phố;
- Công an Thành phố;
- Chi cục THA dân sự Thành phố;
- Trại tạm giam CA tỉnh BD;
- TAND tỉnh BD;
- VKS tỉnh BD;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD;
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD;
- Bị cáo; bị hại;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Linh